TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Nguyễn Xuân Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thái Thị T, sinh năm 1982; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1976; xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh Tr chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh vào năm 2003. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình chồng. Từ năm 2012, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác và có 01 người con riêng. Chị đã cất nhà ở

riêng và vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 13-01-2004 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 07-10-2006 do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con vì anh Tr không có nghề nghiệp ổn định.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai của anh Tr thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Vợ, chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau và nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay và vợ chồng thỏa thuận sẽ ly hôn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Khi ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng 02 người con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của chị Thái Thị T yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Thành Tr.

Về con chung: Giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 13-01-2004 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 07-10-2006. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thành Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào năm 2003. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gay gắt do tính tình không hợp nhau, không còn tin tưởng nhau và vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh Tr cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị T và anh Tr thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nhưng anh Tr xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T yêu cầu được ly hôn anh Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 13-01-2004 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 07-10-2006 đang theo sống với chị T. Cháu T và cháu T có nguyện vọng theo sống với chị T, anh Tr cũng đồng ý. Vì vậy, có cơ sở giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu T là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Thái Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thành Tr.

2. Về con chung: Giao chị Thái Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 13-01-2004 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 07-10-2006. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Thái Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008045 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã LV;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Ngọc Đững